

DỰ THẢO

THÔNG TƯ

Quy định đặc điểm kinh tế - kỹ thuật của xi măng

Căn cứ Luật Giá ngày 19 tháng 6 năm 2023;

Căn cứ Nghị định số 85/2024/NĐ-CP ngày 10 tháng 07 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Giá;

Căn cứ Nghị định số 33/2025/NĐ-CP ngày 25 tháng 2 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Xây dựng;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Khoa học công nghệ, môi trường và Vật liệu xây dựng;

Bộ trưởng Bộ Xây dựng ban hành Thông tư quy định đặc điểm kinh tế - kỹ thuật đối của xi măng.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này quy định đặc điểm kinh tế - kỹ thuật của xi măng, bao gồm: Clanhke xi măng poóc lăng; Xi măng poóc lăng; Xi măng poóc lăng trắng; Xi măng poóc lăng bền sun phát; Xi măng poóc lăng ít tỏa nhiệt; Xi măng poóc lăng hỗn hợp; Xi măng poóc lăng hỗn hợp bền sun phát; Xi măng poóc lăng hỗn hợp ít tỏa nhiệt; Xi măng alumin, Xi măng nở; Xi măng xây trát; Xi măng đóng rắn nhanh; Xi măng đa cấu tử; Xi măng poóc lăng puzôlan; Xi măng poóc lăng xỉ lò cao; Xi măng xỉ lò cao hoạt hóa sulfate.

2. Đối tượng áp dụng

Thông tư này áp dụng đối với các cơ quan, tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh clanhke xi măng và xi măng.

Điều 2. Quy định đặc điểm kinh tế - kỹ thuật của các loại xi măng

1. Đặc điểm kinh tế - kỹ thuật của clanhke xi măng và xi măng quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này.

2. Trường hợp các Tiêu chuẩn quốc gia (TCVN) được viện dẫn trong Thông tư này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì thực hiện theo Tiêu chuẩn quốc gia (TCVN) mới.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày tháng ... năm 202...
2. Bộ Xây dựng là cơ quan tiếp nhận kê khai giá của các tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh đối với các sản phẩm clanhke xi măng và xi măng.
3. Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, đề nghị các cơ quan, tổ chức, cá nhân kịp thời phản ánh bằng văn bản về Bộ Xây dựng để xem xét, giải quyết./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng Chính phủ;
- Các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Trung ương Đảng và các ban của Đảng;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Chính phủ;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Tổng Kiểm toán Nhà nước;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan Trung ương của các tổ chức chính trị - xã hội;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Sở Xây dựng các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Công báo; Website Chính phủ; Cơ sở dữ liệu quốc gia về văn bản QPPL; Website Bộ Xây dựng;
- Bộ Xây dựng: Bộ trưởng, các Thứ trưởng, các đơn vị thuộc, trực thuộc Bộ;
- Cục Kiểm tra văn bản và Quản lý xử lý vi phạm hành chính, Bộ Tư pháp;
- Lưu: VT, Vụ KHCNMT&VLXD.

BỘ TRƯỞNG

Trần Hồng Minh

PHỤ LỤC

ĐẶC ĐIỂM KINH TẾ - KỸ THUẬT CỦA XI MĂNG

*(Ban hành kèm theo Thông tư số ... /2025/TT-BXD ngày ... tháng ... năm 2025
của Bộ trưởng Bộ Xây dựng)*

I. MÔ TẢ CÁC SẢN PHẨM

1. Clanhke xi măng poóc lăng theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN 7024:2013 là sản phẩm thu được sau khi nung hỗn hợp nguyên liệu như đá vôi, đất sét và nguyên liệu điều chỉnh (laterit, silic, boxide...) có thành phần cần thiết đến kết khối để tạo thành các khoáng chủ yếu gồm canxi silicat cũng như canxi aluminat và canxi alumôferít.

2. Xi măng poóc lăng theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN 2682:2020 là chất kết dính thủy, được chế tạo bằng cách nghiền mịn clanhke xi măng poóc lăng với một lượng thạch cao cần thiết. Trong quá trình nghiền có thể sử dụng bổ sung thêm phụ gia đá vôi lên tới 5 %; phụ gia công nghệ hữu cơ lên tới 1%.

3. Xi măng poóc lăng trắng theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN 5691:2021 được chế tạo bằng cách nghiền mịn hỗn hợp clanhke xi măng poóc lăng trắng với một lượng thạch cao cần thiết, có pha hoặc không pha các phụ gia trắng. Trong quá trình nghiền có thể sử dụng phụ gia công nghệ nhưng không quá 1% khối lượng xi măng.

4. Xi măng poóc lăng bền sun phát theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN 6067:2018 là sản phẩm được nghiền mịn từ clanhke xi măng poóc lăng bền sulfat với lượng thạch cao cần thiết. Có thể sử dụng phụ gia công nghệ nhưng không quá 1% so với khối lượng clanhke.

5. Xi măng poóc lăng ít tỏa nhiệt theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN 6069:2007 là chất kết dính thủy, được chế tạo bằng cách nghiền mịn clanhke xi măng poóc lăng ít tỏa nhiệt và một lượng thạch cao cần thiết.

6. Xi măng poóc lăng hỗn hợp theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN 6260:2020 là chất kết dính thủy, được sản xuất bằng cách nghiền mịn hỗn hợp clanhke xi măng poóc lăng với một lượng thạch cao cần thiết và các phụ gia khoáng, có thể sử dụng phụ gia công nghệ (nếu cần) trong quá trình nghiền hoặc bằng cách trộn đều các phụ gia khoáng đã nghiền mịn với xi măng poóc lăng.

7. Xi măng poóc lăng hỗn hợp bền sun phát theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN 7711:2013 là một trong các loại xi măng: Xi măng poóc lăng hỗn hợp (theo TCVN 6260:2020) hoặc xi măng poóc lăng xỉ lò cao (theo TCVN 4316:2007) hoặc xi măng đa cấu tử (theo TCVN 9501:2013) khi thỏa mãn yêu cầu kỹ thuật của tiêu chuẩn này.

8. Xi măng poóc lăng hỗn hợp ít tỏa nhiệt theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN 7712:2013 là một trong các loại xi măng: Xi măng poóc lăng hỗn hợp (theo TCVN 6260:2020) hoặc xi măng poóc lăng xỉ lò cao (theo TCVN 4316:2007) hoặc xi

măng đa cấu tử (theo TCVN 9501:2013) khi thỏa mãn yêu cầu kỹ thuật của tiêu chuẩn này.

9. Xi măng alumin theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN 7569:2022 được chế tạo từ clanhke xi măng alumin (định nghĩa theo TCVN 5438:2016) có hoặc không có phụ gia.

10. Xi măng nở theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN 8873 : 2012 là xi măng có thành phần chủ yếu gồm các khoáng canxi silicat, canxi aluminat và canxi sun phát, khi trộn với nước tạo thành dạng hồ dẻo, sau khi đông kết tăng thể tích đáng kể trong suốt quá trình đông rắn ở tuổi sớm. Thể tích tăng lên chủ yếu do phản ứng thủy hóa của các khoáng canxi aluminat và canxi sunfat.

11. Xi măng xây trát theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN 9202:2012 là chất kết dính thủy dạng bột mịn, thành phần gồm clanhke xi măng poóc lăng và phụ gia khoáng, có thể có phụ gia hữu cơ. Khi nhào trộn với cát và nước, không cần cho thêm các vật liệu khác, thu được vữa tươi có tính công tác phù hợp để xây và hoàn thiện.

12. Xi măng đông rắn nhanh theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN 9488:2012 là xi măng hoặc xi măng hỗn hợp, có hoặc không có thành phần khác, phụ gia công nghệ, phụ gia chức năng, phát triển cường độ nhanh trong 24h đầu hydrat hóa.

13. Xi măng đa cấu tử theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN 9501:2013 là chất kết dính thủy, được sản xuất bằng cách nghiền mịn hỗn hợp clanhke xi măng poóc lăng với một lượng thạch cao cần thiết và các phụ gia khoáng hoặc bằng cách trộn đều hỗn hợp các phụ gia khoáng đã nghiền mịn với xi măng poóc lăng; trong đó tổng hàm lượng phụ gia khoáng trên 40 % đến 80 % theo khối lượng xi măng; có thể sử dụng phụ gia công nghệ (nếu cần) trong quá trình nghiền.

14. Xi măng poóc lăng puzôlan theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN 4033:1995 là xi măng được sản xuất bằng cách nghiền mịn hỗn hợp clanhke xi măng poóc lăng với phụ gia puzôlan hoạt tính và thạch cao cần thiết hoặc bằng cách trộn đều puzôlan đã nghiền mịn với xi măng poóc lăng.

15. Xi măng poóc lăng xỉ lò cao theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN 4316:2007 được chế tạo bằng cách nghiền mịn hỗn hợp clanhke xi măng poóc lăng với xỉ hạt lò cao và một lượng thạch cao thích hợp; hoặc trộn đều xỉ hạt lò cao đã nghiền mịn với xi măng poóc lăng.

16. Xi măng xỉ lò cao hoạt hóa sulfate theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN 13947:2024 là chất kết dính thủy lực, tức là một vật liệu vô cơ mịn khi trộn với nước, sẽ tạo thành dạng hồ nhão có khả năng đông kết và đông rắn do các phản ứng thủy hóa và quá trình thủy hóa và sau khi đông rắn, duy trì được cường độ và ổn định ngay cả khi ngập trong nước.

II. ĐẶC ĐIỂM KINH TẾ - KỸ THUẬT CỦA CÁC SẢN PHẨM

1. Clanhke xi măng poóc lăng

TT	Tên sản phẩm	Ký hiệu	Quy cách, mức	Tiêu chuẩn quốc gia
1	Clanhke xi măng thông dụng	C _{PC}	C _{PC} 40; C _{PC} 50; C _{PC} 60.	TCVN 7024:2013
2	Clanhke xi măng trắng	C _{WPC}	C _{WPC} 40; C _{WPC} 50.	
3	Clanhke xi măng bền sun phát trung bình	C _{MSR}	C _{MSR} 40; C _{MSR} 50.	
4	Clanhke xi măng bền sun phát cao	C _{HSR}	C _{HSR} 40; C _{HSR} 50.	
5	Clanhke xi măng tỏa nhiệt trung bình	C _{MHH}	C _{MHH} 30; C _{MHH} 40.	
6	Clanhke xi măng tỏa nhiệt thấp	C _{LHH}	C _{LHH} 30; C _{LHH} 40.	

2. Xi măng poóc lăng

TT	Tên sản phẩm	Ký hiệu	Quy cách, mức	Tiêu chuẩn quốc gia
1	Xi măng poóc lăng	PC	PC40; PC50.	TCVN 2682:2020

3. Xi măng poóc lăng trắng

TT	Tên sản phẩm	Ký hiệu	Quy cách, mức	Tiêu chuẩn quốc gia
1	Xi măng poóc lăng trắng theo cường độ nén	PCW	PC _W 30; PC _W 40; PC _W 50.	TCVN 5691:2021
2	Xi măng poóc lăng trắng theo độ trắng	PCW-I,II,III	PCWI; PCWII; PCWIII.	

4. Xi măng poóc lăng bền sulfat

TT	Tên sản phẩm	Ký hiệu	Quy cách, mức	Tiêu chuẩn quốc gia
1	Xi măng poóc lăng bền sulfat trung bình	PC _{MSR}	PC _{MSR} 30; PC _{MSR} 40; PC _{MSR} 50.	TCVN 6067:2018
2	Xi măng poóc lăng bền sulfat cao	PC _{HSR}	PC _{HSR} 30; PC _{HSR} 40; PC _{HSR} 50.	

5. Xi măng poóc lăng ít tỏa nhiệt

TT	Tên sản phẩm	Ký hiệu	Quy cách, mức	Tiêu chuẩn quốc gia
1	Xi măng poóc lăng tỏa nhiệt trung bình	PC _{MH}	PC _{MH} 30; PC _{MH} 40.	TCVN 6069:2007
2	Xi măng poóc lăng tỏa nhiệt thấp	PC _{LH}	PC _{LH} 30; PC _{LH} 40.	

6. Xi măng poóc lăng hỗn hợp

TT	Tên sản phẩm	Ký hiệu	Quy cách, mức	Tiêu chuẩn quốc gia
1	Xi măng poóc lăng hỗn hợp	PCB	PCB30; PCB40; PCB50.	TCVN 6260:2020

7. Xi măng poóc lăng hỗn hợp bền sun phat

TT	Tên sản phẩm	Ký hiệu	Quy cách, mức	Tiêu chuẩn quốc gia
1	Xi măng poóc lăng hỗn hợp bền sun phat trung bình	MS	MS30; MS40; MS50.	TCVN 7711:2013
2	Xi măng poóc lăng hỗn hợp bền sun phat cao	HS	HS30; HS40; HS50.	
3	Xi măng poóc lăng hỗn hợp siêu bền sun phat	US	US30; US40; US50.	

8. Xi măng poóc lăng hỗn hợp ít tỏa nhiệt

TT	Tên sản phẩm	Ký hiệu	Quy cách, mức	Tiêu chuẩn quốc gia
1	Xi măng poóc lăng hỗn hợp tỏa nhiệt trung bình	MH	MH30; MH40; MH50.	TCVN 7712:2013
2	Xi măng poóc lăng hỗn hợp tỏa nhiệt thấp	LH	LH30; LH40; LH50.	
3	Xi măng poóc lăng hỗn hợp tỏa nhiệt rất thấp	VLH	VLH30; VLH40; VLH50.	

9. Xi măng alumin

TT	Tên sản phẩm	Ký hiệu	Quy cách, mức	Tiêu chuẩn quốc gia
1	Xi măng alumin thường	AC _N	AC _N 40	TCVN 7569:2022
2	Xi măng alumin cao	AC _H	AC _H 50; AC _H 60.	
3	Xi măng alumin đặc biệt	AC _S	AC _S 70; AC _S 80.	

10. Xi măng nở

TT	Tên sản phẩm	Ký hiệu	Quy cách, mức	Tiêu chuẩn quốc gia
1	Xi măng nở loại K	E-K	Xi măng chứa anhydrit canxi aluminosunfat ($4\text{CaO}.3\text{Al}_2\text{O}_3.\text{SO}_3$), canxi sun phát, và canxi oxit tự do	TCVN 8873:2012
2	Xi măng nở loại M	E-M	Xi măng chứa xi măng alumin và canxi sun phát	
3	Xi măng nở loại S	E-S	Xi măng chứa chủ yếu khoáng tricanxi aluminat và canxi sun phát	

11. Xi măng xây trát

TT	Tên sản phẩm	Ký hiệu	Quy cách	Tiêu chuẩn quốc gia
1	Xi măng xây trát	MC	MC5; MC15; MC25.	TCVN 9202:2012

12. Xi măng đóng rắn nhanh

TT	Tên sản phẩm	Ký hiệu	Quy cách, mức	Tiêu chuẩn quốc gia
1	Xi măng đóng rắn cực nhanh	URH	URH60	TCVN 9488:2012
2	Xi măng đóng rắn rất nhanh	VRH	VRH40	
3	Xi măng đóng rắn nhanh trung bình	MRH	MRH35	
4	Xi măng đóng rắn nhanh thường	GRH	GRH30	

13. Xi măng đa cấu tử

TT	Tên sản phẩm	Ký hiệu	Quy cách, mức	Tiêu chuẩn quốc gia
1	Xi măng đa cấu tử	CC	CC30; CC40.	TCVN 9501:2013

14. Xi măng poóc lăng puzôlan

TT	Tên sản phẩm	Ký hiệu	Quy cách, mức	Tiêu chuẩn quốc gia
1	Xi măng poóc lăng puzôlan	PC _{puz}	PC _{puz} 20; PC _{puz} 30; PC _{puz} 40.	TCVN 4033:1995

15. Xi măng poóc lăng xỉ lò cao

TT	Tên sản phẩm	Ký hiệu	Quy cách, mức	Tiêu chuẩn quốc gia
1	Xi măng poóc lăng xỉ lò cao loại I	PCB _{BFS} I	PCB _{BFS} 30; PCB _{BFS} 40; PCB _{BFS} 50.	TCVN 4316:2007
2	Xi măng poóc lăng xỉ lò cao loại II	PCB _{BFS} II	PCB _{BFS} 30; PCB _{BFS} 40; PCB _{BFS} 50.	

16. Xi măng xỉ lò cao hoạt hóa sulfate

TT	Tên sản phẩm	Ký hiệu	Quy cách, mức	Tiêu chuẩn quốc gia
1	Xi măng xỉ lò cao hoạt hóa sulfate	SSC	SSC32,5L; SSC32,5N; SSC42,5L; SSC42,5N; SSC52,5N.	TCVN 13947:2024